

Bản án số: 203/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 20-11-2023

V/v Tranh chấp không công nhận vợ chồng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Lan Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Phi Hùng

Ông Trần Văn Thắng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Chúc Ni là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Trong ngày 20 tháng 11 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 279/2023/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2023, về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 348/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1988 (xin vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Khóm A, thị trấn TB, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Ông Lê Văn C, sinh năm 1986 (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp B, xã TB, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trình bày của bà Nguyễn Ngọc L tại đơn khởi kiện ngày 09/10/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Ngọc L và ông Lê Văn C tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2008 nhưng không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, ông C không chăm lo làm ăn, không quan tâm đến gia đình nên bà L yêu cầu được ly hôn với ông Lê Văn C.

Về con chung: Bà Nguyễn Ngọc L và ông Lê Văn C có 01 con chung tên Lê Chung N, sinh ngày 31/8/2019 (giới tính nam), hiện do ông C đang nuôi dạy. Khi ly hôn, bà L thống nhất giao con chung cho ông C tiếp tục nuôi dạy, bà không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà Nguyễn Ngọc L và ông Lê Văn C tự thỏa thuận phân chia, không đặt ra yêu cầu xem xét.

Về nợ chung: Bà L và ông C không có nợ chung nên không yêu cầu xem xét.

Trình bày của ông Lê Văn C trong quá trình giải quyết vụ án:

Ông Lê Văn C thống nhất với phần trình bày của bà Nguyễn Ngọc L về các mối quan hệ như hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Quá trình giải quyết vụ án, ông C có ý kiến như sau:

Về hôn nhân: Ông Lê Văn C thống nhất ly hôn với bà Nguyễn Ngọc L.

Về con chung: Ông C thống nhất tiếp tục nuôi dạy con chung tên Lê Chung Nguyễn, sinh ngày 31/8/2019 (giới tính nam), không đặt ra yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông Lê Văn C và bà Nguyễn Ngọc L tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án xem xét.

Nợ chung: Ông C xác định ông và bà L không có nợ chung nên không yêu cầu xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Nguyễn Ngọc L khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn là ông Lê Văn C. Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc không công nhận vợ chồng; Ông C có nơi cư trú tại ấp B, xã TB, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của bà L thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ, bà Nguyễn Ngọc L xin vắng mặt, ông Lê Văn C vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà L và ông C theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Ngọc L và ông Lê Văn C tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2008 nhưng không có đăng ký kết hôn. Ông bà chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, ông C không chăm lo làm ăn, không quan tâm đến gia đình nên bà L yêu cầu được ly hôn với ông Lê Văn C. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Ngọc L và ông Lê Văn C chưa tuân thủ về điều kiện đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của luật hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống, bà L và

ông C có điều kiện đăng ký kết hôn nhưng ông bà không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận bà Nguyễn Ngọc L và ông Lê Văn C là vợ chồng.

[3.2] Về con chung: Bà Nguyễn Ngọc L và ông Lê Văn C có 01 con chung tên Lê Chung N, sinh ngày 31/8/2019 (giới tính nam). Khi ly hôn, bà L tự nguyện giao con chung cho ông C nuôi dạy, ông C thống nhất tiếp tục nuôi dạy con chung. Xét thấy con chung hiện do ông C đang nuôi dạy, ông C thống nhất với kiến của bà L về con chung nên cần chấp nhận yêu cầu của bà L, giao cháu Lê Chung N, sinh ngày 31/8/2019 (giới tính nam) cho ông C tiếp tục nuôi dạy, ông C không đặt ra yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con nên không xét. Bà L không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm con mà không ai được cản trở.

[3.3] Tài sản chung: Bà Nguyễn Ngọc L và ông Lê Văn C thống nhất xác định ông bà tự thỏa thuận phân chia, không đặt ra yêu cầu nên không xem xét là phù hợp.

[3.3.4] Về nợ chung: Bà Nguyễn Ngọc L và ông Lê Văn C xác định vợ chồng không có nợ chung. Quá trình giải quyết vụ án không ai đặt ra yêu cầu xem xét về nợ chung của bà L và ông C nên không xem xét.

[4] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Ngọc L phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 14, 53 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc L về việc không công nhận vợ chồng đối với ông Lê Văn C.

Về hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Ngọc L và ông Lê Văn C là vợ chồng.

Về con chung: Giao cháu Lê Chung N, sinh ngày 31/8/2019 (giới tính nam) cho ông Lê Văn C tiếp tục nuôi dạy, ông C không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con. Bà L không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Bà Nguyễn Ngọc L và ông Lê Văn C tự thỏa thuận phân chia nên không đặt ra yêu cầu xem xét.

Nợ chung: Bà Nguyễn Ngọc L và ông Lê Văn C xác định không có.

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Ngọc L phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Vào ngày 09 tháng 10 năm 2023 bà L có dự nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0003884 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau nay được đối trừ và chuyển thu án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị bản án theo luật định.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thới Bình;
- Chi cục THADS huyện Thới Bình;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Lan Anh